Chi tiết mã HS 9031.90.50

Mã HS	9031.90.50
Mô tả hàng hóa	Máy, thiết bị và dụng cụ đo lường hoặc kiểm tra, chưa được ghi hoặc chi tiết ở nơi khác trong Chương này; máy chiếu biên dạng / - Bộ phận và phụ kiện: / - - Của dụng cụ và thiết bị quang học khác để đo hoặc kiểm tra tấm mạch in/tấm dây in và mạch in đã lắp ráp
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	09/11/2026 10:27:21
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90319050/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18249
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18249
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18249
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17576
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17505
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17505
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17505
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17505
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17505
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17505
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17561
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17561

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17561
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17561
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17561
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17561
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17562
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17562
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17562
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17562
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17562
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17562
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17567
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17523
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17519
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17519
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17519
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17519
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17519
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17519
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17565
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17565
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17565
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17565
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17565
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17565
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17627
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17627

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17627
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17627
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17627
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17627
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17603
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17603
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17603
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17603
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17603
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17603
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17598
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17598
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17598
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17598
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17598
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17598
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17628
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17628
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17628
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17628
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17628
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17628
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17627
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17627
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17627
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17627

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17627
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17627
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17721
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17721
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17721
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17721
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17721
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17721
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17721
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17590
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17590
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17590
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17590
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17590
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17590
RCEP B	2022	2022	0	B!D17590
RCEP B	2023	2023	0	B!E17590
RCEP B	2024	2024	0	B!F17590
RCEP B	2025	2025	0	B!G17590
RCEP B	2026	2026	0	B!H17590
RCEP B	2027	2027	0	B!I17590
RCEP C	2022	2022	0	C!D17588
RCEP C	2023	2023	0	C!E17588
RCEP C	2024	2024	0	C!F17588
RCEP C	2025	2025	0	C!G17588
RCEP C	2026	2026	0	C!H17588

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I17588
RCEP D	2022	2022	0	D!D17587
RCEP D	2023	2023	0	D!E17587
RCEP D	2024	2024	0	D!F17587
RCEP D	2025	2025	0	D!G17587
RCEP D	2026	2026	0	D!H17587
RCEP D	2027	2027	0	D!I17587
RCEP E	2022	2022	0	E!D17591
RCEP E	2023	2023	0	E!E17591
RCEP E	2024	2024	0	E!F17591
RCEP E	2025	2025	0	E!G17591
RCEP E	2026	2026	0	E!H17591
RCEP E	2027	2027	0	E!I17591
RCEP F	2022	2022	0	F!D17590
RCEP F	2023	2023	0	F!E17590
RCEP F	2024	2024	0	F!F17590
RCEP F	2025	2025	0	F!G17590
RCEP F	2026	2026	0	F!H17590
RCEP F	2027	2027	0	F!I17590
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16491
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16491
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16491
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16491

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9031.90 có 4 dòng thuế; dòng 9031.90.50 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Của dụng cụ và thiết bị quang học khác để đo hoặc kiểm tra tấm mạch in/tấm dây in và mạch in đã lắp ráp.	9031.90.30 Bộ phận và phụ kiện kể cả mạch in đã lắp ráp dùng cho các dụng cụ và thiết bị quang học để kiểm tra các vi mạch hoặc linh kiện bán dẫn hoặc kiểm tra mặt nạ, mặt nạ quang hoặc lưới ca rô sử dụng trong sản xuất các linh kiện bán dẫn; bộ phận và phụ kiện của các thiết bị đo độ nhiễm bẩn bề mặt của vi mạch bán dẫn; 9031.90.40 Của thiết bị quang học xác định và sửa lỗi cho tấm mạch in/tấm dây in và mạch in đã lắp ráp; 9031.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9031.90.50 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9031.90.50	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9031.90.50. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9031.90.50 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18249), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.